



TỜ TRÌNH

V/v: thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty cổ phần DRH Holdings.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần DRH Holdings.

Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty hiện hành, HĐQT nhận thấy cần thiết phải cập nhật, sửa đổi một số điều khoản cho phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ đính kèm tờ trình này.

Dự thảo Điều lệ sửa đổi được đăng tải trong mục tài liệu Đại hội trên website <https://drh.vn/quan-he-co-dong.html> của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHAN TẤN ĐẠT

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY 2026

(đính kèm theo tờ trình 05/2026/DRH/TT-DHDCD trình Đại hội đồng cổ đông ngày 23/06/2026)

*** Lưu ý: Các nội dung sửa đổi, bổ sung mang tính chất hiệu chỉnh lỗi kỹ thuật, lỗi chính tả, lỗi dẫn chiếu và/hoặc điều chỉnh sự thống nhất giữa các quy định tại Điều lệ mà không phát sinh từ việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật hiện hành sẽ không được liệt kê và trình bày tại Phụ lục này.

STT	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
1	MỤC LỤC	MỤC LỤC	Điều chỉnh phù hợp với nội dung mới
2	PHẦN MỞ ĐẦU Điều lệ Công ty Cổ phần DRH Holdings được thông qua theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-DHDCD ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông.	PHẦN MỞ ĐẦU Điều lệ Công ty Cổ phần DRH Holdings được thông qua theo Nghị quyết số [__]/[__]/NQ-DHDCD ngày [__] tháng [__] năm [__] của Đại hội đồng cổ đông.	Điều chỉnh phù hợp theo căn cứ mới
3	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh	Đánh số lại theo định dạng mới

3	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>e. "Bộ luật Dân sự" là Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;</p> <p>f. "Nghị định số 155" là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>g. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>h. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) ("GCNĐKKD") lần đầu;</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. "<i>Vốn điều lệ</i>" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b. "<i>Vốn có quyền biểu quyết</i>" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. "<i>Luật Doanh nghiệp</i>" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành tại từng thời điểm;</p> <p>d. "<i>Luật Chứng khoán</i>" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành tại từng thời điểm;</p> <p>e. "<i>Bộ luật Dân sự</i>" là Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;</p> <p>f. "<i>Nghị định số 155</i>" là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>g. "Nghị định số 245" là Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của</p>	Đánh số lại theo định dạng mới
---	--	---	--------------------------------

<p>h. "Người điều hành Công ty" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;</p> <p>i. "Người quản lý Công ty" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>j. "Người phụ trách quản trị Công ty" là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 33 Điều lệ này;</p> <p>k. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> o Công ty và người nội bộ của Công ty; o Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; o Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát; o Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó; o Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá 	<p>Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>h. "<i>Việt Nam</i>" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>i. "<i>Ngày thành lập</i>" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) ("<i>GCNĐKKD</i>") lần đầu;</p> <p>j. "<i>Người điều hành Công ty</i>" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;</p> <p>k. "<i>Người quản lý Công ty</i>" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>l. "<i>Người phụ trách quản trị Công ty</i>" là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 33 Điều lệ này;</p> <p>m. "<i>Người có liên quan</i>" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> o Công ty và người nội bộ của Công ty; o Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; o Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp 	
---	--	--

<p>nhân kia;</p> <ul style="list-style-type: none"> o Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp; l. “Người nội bộ” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; thành viên Ủy Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin; m. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành Công ty theo quy định của Điều lệ này; n. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị theo Điều 26 của Điều lệ này; o. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty; p. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; q. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết; 	<p>kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;</p> <ul style="list-style-type: none"> o Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó; o Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia; o Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp; <p>n. “Người nội bộ” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; thành viên Ủy Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin; o. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành Công ty theo quy định của Điều lệ này; p. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị theo Điều 26 của Điều lệ này; </p>	
---	--	--

<p>r. “Sở giao dịch chứng khoán “là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;</p> <p>u. “Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị” là (các) Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, được Hội đồng quản trị thành lập và tổ chức hoạt động theo Điều 32 Điều lệ này;</p> <p>v. “Ủy ban Kiểm toán” là một cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị được thành lập và tổ chức hoạt động theo Điều lệ này, pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>x. “Công ty” là Công ty Cổ phần DRH Holdings.</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.</p> <p>3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p>	<p>q. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;</p> <p>r. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;</p> <p>u. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p> <p>v. “Sở giao dịch chứng khoán “là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;</p> <p>x. “Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị” là (các) Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, được Hội đồng quản trị thành lập và tổ chức hoạt động theo Điều 32 Điều lệ này;</p> <p>y. “Ủy ban Kiểm toán” là một cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị được thành lập và tổ chức hoạt động theo Điều lệ này, pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>z. “Công ty” là Công ty Cổ phần DRH Holdings.</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.</p> <p>3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p>	
--	---	--

4	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.</p>	<p>Khoản 4 Điều 1 Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2025</p>
5	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p>	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Khoản 3 Điều 124 Luật Doanh nghiệp
6	<p>Không quy định.</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>5. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Khoản 2 Điều 121 Luật Doanh nghiệp
7	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có</p>	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác,</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Điểm d khoản 1 Điều 111 Luật Doanh nghiệp

	<p>quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>
<p>8</p> <p>Điều 10. Mua lại cổ phần</p> <p>2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:</p> <p>a. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi có tức đã bán theo quy định sau đây:</p> <p>o Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;</p>	<p>Điều 10. Mua lại cổ phần</p> <p>2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:</p> <p>a. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi có tức đã bán theo quy định sau đây:</p> <p>o Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp; • Các trường hợp tại điểm c khoản 2 Điều 10 Điều lệ không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp
<p>9</p> <p>Điều 10. Mua lại cổ phần</p> <p>2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:</p> <p>e. Trừ trường hợp mua lại cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ sở hữu trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của</p>	<p>Điều 10. Mua lại cổ phần</p> <p>2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:</p> <p>e. Trừ trường hợp mua lại cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ sở hữu trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc mua lại cổ phiếu thông qua giao dịch thực hiện theo phương</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Điểm c khoản 4 Điều 36 Luật Chứng khoán

	<p>Trong tài hoặc mua lại cổ phiếu thông qua giao dịch thực hiện theo phương thức khớp lệnh, Công ty không được mua lại cổ phiếu của các đối tượng sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> o Cổ đông lớn. 	
<p>10</p> <p>Điều 10. Mua lại cổ phần</p> <p>2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:</p> <p>g. Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty thì thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> o Tổng số lượng cổ phiếu của người lao động đã được công ty mua lại để giảm vốn điều lệ phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên; o Công ty phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được công ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên. 	<p>Điều 10. Mua lại cổ phần</p> <p>2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:</p> <p>g. Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty thì thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> o Tổng số lượng cổ phiếu của người lao động đã được công ty mua lại phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất; o Công ty không phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ đối với số cổ phiếu được công ty mua lại. 	<p>Khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi Luật Chứng khoán;</p> <p>Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia; Luật Xử lý vi phạm hành chính 2024.</p>
<p>11</p> <p>Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>2. Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.</p>	<p>Khoản 3 Điều 11 Thông tư 116</p>
<p>12</p> <p>Điều 15. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p>	<p>Điều 15. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập</p>	<p>Khoản 20 Điều 1 Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2025</p>

	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại.</p>	
13	<p>Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.</p>	<p>Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Điều 15 Điều lệ Công ty (sửa đổi, bổ sung); • Khoản 20 Điều 1 Luật Doanh

	Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 15 Điều lệ này.	trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 15 Điều lệ này.	nghị quyết sửa đổi 2025
14	Điều 21. Thẻ thực hiện hành hợp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều lệ này.	Điều 21. Thẻ thực hiện hành hợp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 155 và Điều lệ này.	<ul style="list-style-type: none"> • Điều 144 Luật Doanh nghiệp; • Khoản 3 Điều 273 Nghị định 155.
15	Điều 22. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành trong trường hợp tại Điểm c, d, i, p khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này. 2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3 Điều 18, khoản 8 Điều 23 của Điều lệ này.	Điều 22. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành trong trường hợp tại Điểm c, d, i, p khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. 2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 3 Điều này, Điều 18, khoản 8 Điều 23 của Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> • Khoản 1 và 2 Điều 21 Thông tư 116

<p>16</p> <p>Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện như sau:</p> <p>a. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị tại tối đa 05 (năm) công ty khác;</p>	<p>Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện như sau:</p> <p>a. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên tại tối đa 05 (năm) công ty khác;</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245
<p>17</p> <p>Điều 27. Thành phần, nhiệm kỳ, quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành</p> <p>b. Số thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít nhất bằng 20% số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 27. Thành phần, nhiệm kỳ, quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành</p> <p>b. Số thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít nhất là 01 thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245; • Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155.
<p>18</p> <p>Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>q. Quyết định ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ</p>	<p>Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>q. Quyết định ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Khoản 4 Điều 278 Nghị định 155; • Điều 5 Thông tư 116.

	<p>về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p>	<p>của công ty theo mẫu quy định tại Điều 5 Thông tư 116, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị do Ủy ban kiểm toán xây dựng và trình theo mẫu quy định tại Điều 7 Thông tư 116, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p>	
19	<p>Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và đảm bảo các nội dung như sau:</p> <p>d. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với công ty niêm yết);</p>	<p>Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và đảm bảo các nội dung như sau:</p> <p>d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với công ty niêm yết)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Khoản 82 Điều 1 Nghị định 245
20	<p>Điều 32. Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Ủy ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Ủy ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy ban theo quyết định của</p>	<p>Điều 32. Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập Ủy ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Ủy ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Khoản 1 Điều 31 Thông tư 116

	<p>Hội đồng quản trị. Hoạt động của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Ủy ban.</p>	<p>của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của Ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Ủy ban.</p>	
<p>21</p>	<p>Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty 4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm trợ lý cho Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.</p>	<p>Bỏ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Điều 32 Thông tư 116 thay thế Điều 32 Thông tư 96/2020 đã bỏ nội dung này.
<p>22</p>	<p>Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc j. Quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ trong phạm vi kế hoạch nhân sự, kế hoạch ngân sách mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt;</p>	<p>Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc j. Quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ trong phạm vi kế hoạch nhân sự, kế hoạch ngân sách mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt, kê cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</p>	<ul style="list-style-type: none"> Điểm e khoản 4 Điều 35 Thông tư 116
<p>23</p>	<p>Điều 40. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán 1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.</p>	<p>Điều 40. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán 1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ủy ban kiểm toán phải được lưu giữ đầy đủ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Khoản 7 Điều 283 Nghị định 155

24	<p>Không quy định.</p>	<p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>6. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý Công ty, Kiểm soát viên công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của Công ty tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán (nếu có).</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Khoản 83 Điều 1 Nghị định 245
25	<p>Điều 59. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương, 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần DRH Holdings nhất trí thông qua ngày 05 tháng 11 năm 2024 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	<p>Điều 59. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương, 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần DRH Holdings nhất trí thông qua ngày [__] tháng [__] năm [__] tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm [__] và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	